

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị được giám sát: Công ty Cổ phần Nước sạch tỉnh Lai Châu
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /8/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp có vốn góp

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200000230.

b) Vốn điều lệ: 215.865,14 triệu đồng.

c) Vốn góp tại thời điểm báo cáo 215.865,14 triệu đồng; vốn góp của Nhà nước 211.219,14 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 97,85% (theo Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh).

d) Cơ cấu quản trị doanh nghiệp theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc.

- Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 người (01 Chủ tịch, 04 thành viên).

- Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 thành viên).

- Ban điều hành: Ban Giám đốc.

- Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch HĐQT.

đ) Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt; thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông; quản lý, vận hành các công trình thủy điện; đầu tư các dự án cấp nước.

2. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Vi Văn Chung - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Số CCCD: 011075005090, ngày cấp 15/8/2022 tại Cục CSQLHCVTTXH.

- Hộ khẩu thường trú: Phường Tân Phong - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu.

3. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Doanh nghiệp bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

4. Đánh giá việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a) Hoạt động đầu tư vốn, tài sản của doanh nghiệp và hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không.

b) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động; phát hành trái phiếu: Không.

c) Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

- Về tình hình quản lý tài sản: Công ty đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản theo quy định. (Trong 6 tháng đầu năm Công ty chưa thực hiện đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống, mạng cấp nước).

- Quản lý nợ: Công ty có kế hoạch thu hồi và chi trả theo định kỳ, tính đến 30/6/2023:

+ Nợ phải thu 3.892 triệu đồng (*gồm thu ngắn hạn của khách hàng 2.150 triệu đồng, trả trước cho người bán ngắn hạn 283 triệu đồng, phải thu ngắn hạn khác 2.516 triệu đồng, dự phòng các khoản phải thu khó đòi -1.057 triệu đồng*).

+ Nợ phải trả 13.567 triệu đồng. Trong đó, nợ ngắn hạn 13.558 triệu đồng (*gồm trả ngắn hạn khách hàng 131 triệu đồng, người mua trả tiền trước ngắn hạn 146 triệu đồng, thuế và các khoản phải nộp nhà nước 544 triệu đồng, phải trả người lao động 837 triệu đồng, chi phí phải trả ngắn hạn 1.189 triệu đồng, phải trả ngắn hạn khác 10.705 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 2 triệu đồng*); nợ dài hạn 8 triệu đồng.

+ Nợ quá hạn: 0 đồng.

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn = tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn: 26.041 triệu đồng/13.558 triệu đồng = 1,9 lần.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 13.567 triệu đồng/216.582 triệu đồng = 0,063 lần.

d) Tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp đến kỳ báo cáo:

- Luồng tiền vào: 16.426 triệu đồng, bao gồm: Lợi nhuận trước thuế 242 triệu đồng, khấu hao tài sản cố định 8.209 triệu đồng, biến động các khoản phải thu 955 triệu đồng, thu khác từ hoạt động kinh doanh 282 triệu đồng, thu hồi cho vay 6.738 triệu đồng.

- Luồng tiền ra: 19.644 triệu đồng, bao gồm: Lãi từ hoạt động đầu tư 327 triệu đồng, biến động hàng tồn kho 153 triệu đồng, tăng giảm khoản phải trả 5.596 triệu đồng, chi phí trả trước 392 triệu đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 55 triệu đồng, chi hoạt động kinh doanh 2.219 triệu đồng, mua sắm tài sản cố định 270 triệu đồng, **tiền chi mua công cụ nợ của các đơn vị khác 6.300 triệu đồng**, trả nợ gốc vay 4.102 triệu đồng, cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 230 triệu.

- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: -3.218 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 4.838 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ: 1.620 triệu đồng.

5. Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

a) Kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu 21.506 triệu đồng, tăng 11% so với cùng kỳ 2022, bao gồm: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 21.175 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính 327 triệu đồng, thu nhập khác 4 triệu đồng.

- Tổng chi phí: 21.263 triệu đồng, chiếm 98,9% doanh thu, bao gồm: Giá vốn hàng bán 17.590 triệu đồng; chi phí hoạt động tài chính 6 triệu đồng, chi phí bán hàng 56 triệu đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp 3.610 triệu đồng; chi phí khác 1 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 242 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 194 triệu đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): $194 \text{ triệu đồng} / 216.582 \text{ triệu đồng} = 0,09\%$.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): $194 \text{ triệu đồng} / 230.149 \text{ triệu đồng} = 0,08\%$.

b) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Số thuế năm trước chuyển sang 368 triệu đồng, số phát sinh phải nộp trong kỳ 1.981 triệu đồng, số đã nộp trong kỳ 1.808 triệu đồng, số còn lại phải nộp 541 triệu đồng.

Lợi nhuận còn lại sau thuế năm 2022 là 385 triệu đồng, công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định (40%), số còn lại thực hiện phân chia tỷ lệ góp vốn trong đó phần được chia vốn góp nhà nước (97,85%) công ty đã thực hiện nộp ngân sách nhà nước số tiền 226.004.479 đồng.

c) Tình hình thực hiện thoái vốn nhà nước, thu hồi vốn nhà nước: Thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo đó, Công ty thực hiện giữ nguyên phần vốn và tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2022-2025.

6. Việc thực hiện các quy định về đăng ký lưu ký, đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán

Thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc hủy tư cách Công ty đại chúng theo Văn bản số 2449/UBCK-GSĐC ngày 08/5/2023 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

7. Những khó khăn vướng mắc

- Năm 2023 diễn biến thời tiết phức tạp, nắng nóng kéo dài, các nguồn nước cạn kiệt ở một số thời điểm nhất định dẫn đến tình trạng thiếu nước cục bộ ảnh hưởng đến cấp nước, doanh thu của Công ty và chất lượng nước.

- Mạng lưới cấp nước tại các đô thị gần như đã phủ kín, chỉ còn lại những khu vực có địa hình phức tạp, nằm ở trên cao, dân cư thưa thớt. Do đó rất khó khăn cho công tác mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng khách hàng và sản lượng tiêu thụ nước. Mặt khác, suất đầu tư cho hệ thống cấp nước các vùng này rất cao, không đảm bảo được các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Phải bù chéo chi phí giữa các vùng.

- Tỷ lệ thất thoát còn tương đối cao, do một số hệ thống mạng lưới tuyến ống đã xuống cấp. Kinh nghiệm, năng lực một số cán bộ, đảng viên, người lao động có mặt còn hạn chế.

8. Đánh giá nhận xét

- Công ty đã cơ bản thực hiện chế độ, chính sách pháp luật trong hoạt động kinh doanh dịch vụ như: Xây dựng kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện nộp thuế, báo cáo tài chính, báo cáo giám sát và các loại báo cáo khác theo quy định.

- Chế độ báo cáo tài chính đã thực hiện theo khoản 4, Điều 10 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và khoản 4, Điều 5 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh Lai Châu; Công ty đã thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định khoản 4 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

- Công ty kinh doanh bảo toàn được vốn nhà nước, kinh doanh có lãi nhưng thấp so với tổng nguồn vốn hiện có.